TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/DS-ST
Ngày: 20/9/2017
"V/v Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Lâm Tài.**
2. Bà **Ngô Thị Như Ý.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn V.M** – sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Nguyễn V.T** và bà **Trương T.S**.

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị M.H.**

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Trần T.N.**

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà N: Anh **Nguyễn T.K** - sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Anh Nguyễn T.K có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2017 và các lời khai có tiếp theo nguyên đơn trình bày: Vào năm 2014 ông M có mở dây hụi mùa, loại hụi 5.000.000đ, 03 tháng mở hụi 01 lần, có 13 thành viên tham gia, ông T và bà S tham gia 01 phần hụi, ông T hốt hụi vào lần thứ hai do chị H đi bỏ hụi thay và nhận tiền hụi thay ông T, đóng được một lần hụi chết, từ lần thứ tư đến nay không đóng hụi, tính đến khi mãn hụi thì ông T và bà S còn nợ 10 phần hụi bằng 50.000.000đ. Ông M yêu cầu ông T và bà S trả cho ông M và bà N số tiền nợ hụi là 50.000.000đ.

Tại lời khai khác của ông M thì ông M xác định: Ông T điện thoại nhờ anh Kiên là con của ông M bỏ hụi dùm và ông T là người trực tiếp nhận tiền hụi.

* Bị đơn ông T xác định: Mọi giao dịch hụi giữa chị H và ông M diễn ra như thế nào ông không biết, ông không biết việc chị H tham gia hụi nhưng yêu cầu ghi tên ông T trong danh sách hụi , danh sách hụi là do chủ hụi tự ghi, ông T không có thực hiện bất cứ giao dịch hụi nào với ông M cả nên không đồng ý yêu cầu của ông M.

* Chị Nguyễn Thị M.H thừa nhận chị H có một mình tham gia hụi do ông M làm chủ, khi tham gia hụi chị yêu cầu ghi tên trong danh sách hụi là tên T cha của chị H, nhưng chị không có thông báo việc này với ông T. Mọi giao dịch từ đóng tiền hụi đến nhận tiền hốt hụi đều do chị H thực hiện, ông T không hề hay biết.

* Ông M cung cấp người làm chứng là: Anh Ngô K.C, địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Con rễ của ông M), bà Nguyễn Thị K.G, địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, anh Nguyễn H.H, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, bà Võ H.H, địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, chị Lê H.Ch, địa chỉ: Ấp P, xã P. huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

* Bà N thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông M đối với ông T và bà S.

* Bà S được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án.

**** Tại phiên tòa:***

- Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà N xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bà N thống nhất với nguyên đơn.

- Ông T, bà S và chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có nộp văn bản nêu ý kiến khác.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh Kiên tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; ông T, bà S và chị H chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Do lời khai của ông M trước sau không thống nhất về mặt nội dung, những người làm chứng khai không giống nhau về thời gian và nội dung, lời khai người làm chứng và lời khai của ông T không giống nhau về mặt nội dung. Ông M không chứng M được cho yêu cầu và trình bày của ông M là có căn cứ và hợp pháp, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông M đối với bà S và ông T.

**** Các tình tiết của vụ án:*** Ông M xác định ông T và bà S có tham gia chơi hụi do ông M làm chủ. Ông T không thừa nhận lời trình bày của ông M. Chị H xác định chị H là người trực tiếp giao dịch hụi do ông M làm chủ và yêu cầu ghi tên trong danh sách hụi là tên ông T, nhưng không báo việc này với ông T, chị H xác định hụi này còn 03 lần nữa mãn và thừa nhận nợ ông M 07 lần hụi với số tiền 35.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ông Nguyễn V.M khởi kiện yêu cầu ông T và bà S trả tiền nợ hụi, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do ông T, bà S và chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà S và chị H theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông M: Ông M xác định ông T và bà S có tham gia chơi hụi do ông M làm chủ hụi, xác định ông T và bà S còn nợ tiền hụi là 50.000.00đ. Ông T và bà S không thừa nhận có chơi hụi và nợ hụi như ông M trình bày. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng M cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*.

[4] Ông M đã cung cấp những người làm chứng, nhưng khi Tòa án làm việc và đối chất các lời khai của người làm chứng không thống nhất nhau về nội dung và thời gian, lời khai người làm chứng không giống với lời khai của ông M,

nên không chứng M được ông T và bà S có tham gia hụi do ông M làm chủ và nợ hụi như ông M trình bày.

[5] Chị H thừa nhận một mình chị H giao dịch hụi và nợ hụi ông M - bà N 7 lần với số tiền 35.000.000đ. Do ông M không yêu cầu đối với chị H, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào ông M có đơn khởi kiện chị H, sẽ được Tòa án thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông M đối với ông T và bà S về giao dịch hụi.

[8] Về án phí: Do ông M không được chấp nhận yêu cầu, nên ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí. Do ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông M được miễn nộp án phí trong vụ án này.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V.M yêu cầu ông Nguyễn Thanh T và bà Trương T.S trả số tiền nợ hụi là 50.000.000đ.

2. Về án phí:

- Ông M được miễn nộp án phí, ông M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003010 ngày 15/3/2017.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.